Tuy nhiên, điều các thầy thuốc sợ hơn cả không phải tỷ lệ tử vong vì đói mà vì dịch sốt phát ban. Nhiều người đã đoán có một đợt bùng phát trong *Kessel* khi xuất hiện những ca đầu tiên nhưng không dám nói vì sợ tạo ra tâm trạng hoảng loạn. Trong hệ thống đường hầm, họ tiếp tục cách ly các loại bệnh khác nhau khi chúng xuất hiện, dù dó là bạch hầu hay sốt phát ban. Họ đã năn nỉ chính quyền cung cấp các phương tiện trừ chấy rận nhưng nhiều lính Hồng quân và cả cư dân dịa phương vẫn bị lây như thường.

Không có gì lạ là có nhiều người chết đến thế. Xem ra cũng không có nhiều lý do để người ta giành giật sự sống. Hy vọng đoàn tụ gia đình quá mong manh. Nước Đức quá xa xôi, cứ như là một thế giới khác mà giờ đây có vẻ huyền hoặc. Cái chết hứa hẹn một sự giải thoát khỏi những đau khổ, và càng về cuối cái đau cũng cạn mà sức cũng kiệt, chỉ còn cảm giác trôi nổi chống chếnh. Xem ra sống sót được chỉ là những người còn tiếp tục đấu tranh nhờ vào tín ngưỡng hoặc cứng đầu không chịu chết ở nơi dơ dáy như vậy, hoặc quyết tấm sống vì gia đình mình.

\* \* \*

Ý chí sống có vai trò quan trọng đối với những người phải đi bộ đến các trại tù. Weineirt đã tả họ như “những bóng ma rách rưới thất thểu chuệnh choạng” đi theo lưng người phía trước. Đi một lúc nóng người lên, lập tức rận hoạt động hăng hơn. Dân chúng có người giật mền từ trên người họ, tát vào mặt họ, thậm chí còn ném đá vào họ. Tốt nhất là đi ở các hàng đầu và an toàn nhất là đi gần một trong những người áp giải. Vài người lính đi ngang qua, bất chấp lệnh cấm cứ bắn bừa vào hàng tù binh để trả thù, giống như lính Đức đã bắn vào hàng tù binh Hồng quân vào năm 1941.

Những người may mắn hơn đi thẳng tới một trong các trại tập trung trong vùng, dù chúng có chỗ xa chỗ gần khác nhau. Chẳng hạn nhóm phía bắc *Kessel* phải đi chừng 20 km đến Dubrovka, phía bắc Stalingrad. Phải mất hai ngày mới đến nơi. Ban đêm họ bị lùa vào các khung nhà đổ không mái do Luftwaffe đánh phá, như thể những người áp giải không quên nhắc để họ nhớ.

Tuy nhiên hàng ngàn người phải thực hiện chuyến đi có thể gọi là hành trình thần chết. Tệ nhất là không có thức ăn nước uống trong khi trời lạnh âm 25-30°, mà lại phải đi vòng vèo từ khe Tsaritsa, qua Gumrak và Gorodishche, cuối cùng kết thúc ở Beketovka sau năm ngày trời. Chốc chốc lại nghe tiếng súng vang lên trong thinh không lạnh giá khi có một nạn nhân ngã xuống tuyết, không thể đi tiếp được. Cái khát cũng là hiểm họa không kém gì cái mệt vì đói. Tuy khắp xung quanh là tuyết nhưng họ vẫn phải chịu cảnh éo le của những người đi biển cổ đại khi biết không thể uống được nước biển.

Mái che qua đêm rất hiếm hoi thành ra tù binh cứ nằm với nhau trên tuyết. Nhiều người tỉnh dậy thấy đồng đội nằm cạnh đã chết và đông cứng tự bao giờ. Nhằm tránh chuyện đó, mỗi nhóm cắt cử người thay nhau thức canh nửa tiếng một. Sau đó tất cả sẽ có thể linh lợi hơn để đối phó với hoàn cảnh. Có người còn không dám đặt lưng nằm xuống. Hy vọng có thể ngủ như ngựa, họ đứng chụm vào nhau, mền phủ lên trên để giữ lại chút hơi ấm từ hơi thở.

Sáng ra không đem lại sự nhẹ nhõm mà chỉ là nỗi khiếp sợ con đường phía trước. “Người Nga có phương pháp rất đơn giản”, một trung úy sống sót kể lại. “Ai còn đi được thì đi. Ai không đi được vì vết thương hay đau ốm sẽ bị bỏ lại không thức ăn cho chết luôn”. Nhanh chóng nắm vững nguyên tắc sinh tồn này, anh ta sẵn sàng đổi cái áo len để lấy sữa và bánh mì của một bà nông dân Nga trong lúc dừng chân nghỉ đêm vì biết rằng nếu không thì mai anh ta sẽ đuối sức gục mất.

\* \* \*

Cổng vào trại chính ở Beketovka có một câu cũng đáng ghi lại: “Ai vào đây hãy bỏ lại hết hy vọng”.

Khi đến nơi, giám trại lục soát tù binh tìm đồ quý lần nữa rồi bắt họ đứng để “đăng ký”. Tù binh sớm nhận ra việc đứng ngoài trời rét buốt hàng giờ, rồi cứ từng tốp 5 người lên “điểm danh” là cực hình hằng ngày. Cuối cùng, sau khi NKVD đã hoàn tất các thủ tục ban đầu, họ được đưa dến các lán gỗ, cứ 40-50 người vào một phòng, giống như “cá trích đóng hộp”, một người sống sót nhớ lại. Ngày 4 tháng 2, một sĩ quan NKVD đã phàn nàn với Bộ Tư lệnh Phương diện quân sông Đông rằng tình hình “cực kỳ khó khăn”. Các trại ở Beketovka đã nhận tới 50.000 tù binh, “có cả người ốm và bị thương”.

Lãnh đạo trại tù đã cố hết sức. Họ không có phương tiện vận chuyển cơ giới nên cố xin quân đội một chiếc xe tải. Rốt cuộc nước cũng được đưa đến trại trong các thùng sắt chở bằng xe lạc đà kéo. Một bác sĩ người Áo bị bắt, ghi lại ấn tượng đầu tiên của ông: “Không có gì ăn, không có gì uống, tuyết bẩn, còn băng thì vàng khè màu nước tiểu, là những thứ duy nhất để đỡ cơn khát cháy cổ... Mỗi sáng lại có thêm các xác chết”. Sau hai ngày, người Nga bắt đầu cho ăn “súp”, đó chẳng qua chỉ là chút cám hòa trong nước ấm. Giận quá, có tù binh bắt cả nắm rận trên người ném vào lính gác. Kiểu chống đối như vậy chỉ tổ mất mạng.

Ngay từ đầu chính quyền Soviet đã bắt tay vào phân loại tù binh, trước hết là theo quốc tịch, rồi đến chính trị. Tù binh Romania, Italia và Croatia được ưu tiên làm việc trong nhà bếp, nơi người Romania rắp ranh chơi lại các đồng minh cũ của mình. Theo họ, người Đức không chỉ lôi họ vào địa ngục này mà còn cắt giảm cung cấp hậu càn của họ hồi ở *Kessel* để lính Đức được ăn uống tốt hơn. Người Romania kéo bè kéo cánh đánh người Đức đi lẻ đến lấy phần ăn cho tổ mình và cướp chỗ đồ ăn đó. Người Đức đối phó bằng cách cử người theo bảo vệ.

“Rồi đến một cú sốc khác”, một thượng sĩ không quân Đức kể. “Các đồng đội người Áo của chúng tôi bỗng dưng không chịu nhận là người Đức nữa. Họ gọi mình là “Austritsy” để mong được đối xử tốt hơn - mà quả đúng thế thật”. Người Đức càng cay hơn vì “mọi tội lỗi của chiến tranh đều trút hết lên mấy đứa vẫn còn là ‘Đức’ bọn tôi”, nhất là kể từ khi người Áo khéo léo xoay chuyển lý luận, để rơi vào tình cảnh này tội vạ đều là do các tướng Phổ chứ không phải gã người Áo Hitler.

Đấu tranh để sống sót vẫn luôn là tối thượng. “Mỗi sáng những người chết bị đem ra xếp nằm bên ngoài khu lán”, một sĩ quan xe tăng viết. Những cái xác trần trụi đông cứng được các nhóm lao dịch xếp thành hàng dài chưa từng có ở một bên trại, và ở Beketovka, hàng này có khi dài tới 100 m theo ước tính của một bác sĩ. Ít nhất có 50-60 người chết mỗi ngày, theo đánh giá của viên thượng sĩ không quân. “Chúng tôi không còn nước mắt mà khóc nữa”, anh ta viết. Một tù binh khác được người Nga dùng làm thông dịch viên đã tìm được cách nhìn trộm sổ “khai tử”. Anh ta đã ghi lại rằng tính đến ngày 21 tháng 10 năm 1943 đã có 45.200 người chết chỉ riêng ở Beketovka. Một báo cáo của NKVD thừa nhận rằng trong tất cả các trại Stalingrad đã có 55.228 tù binh chết tính đến ngày 15 tháng 4, nhưng không ai biết có bao nhiêu tù binh bị bắt kể từ Chiến dịch Sao Thiên Vương cho đến lúc đầu hàng.

“Cái đói”, bác sĩ Dibold nhận xét, ‘làm thay đổi tâm lý và tính cách, rõ rệt trong cách xử sự và không rõ rệt trong suy nghĩ”. Lính Đức cũng như lính Romania phải tìm đến cách ăn thịt người để tồn tại. Những lát thịt mỏng xẻo từ đống xác chết đông cứng được đun lên. Món này được gọi là “thịt lạc đà”. Những ai ăn phải đều nhanh chóng nhận ra ngay vì màu thịt vẫn đỏ chứ không thâm lại như hầu hết các thứ thịt khác khi nấu lên. Những trường hợp như vậy ở khắp các trại quanh Stalingrad đều có, ngay cả trong một trại giam tù binh bắt trong Chiến dịch Sao Thiên Vương. Một nguồn tin Soviet còn nói rằng “chỉ có dọa bắn mới buộc tù binh bỏ được cái thói man rợ đó”. Chính quyền ra lệnh tăng khẩu phần, song sự trì trệ và tham nhũng trong hệ thống đã cản trở việc thực hiện.

Kiệt sức, lạnh, bệnh tật và đói, tất cả gộp lại làm cho tù binh mất nhân tính. Trong khi bệnh lỵ hoành hành, ai chẳng may rơi xuống hố phân, nếu còn sống thì cũng bị bỏ mặc cho chết đuối. Chẳng mấy người còn đủ sức hay có ý muốn kéo họ lên. Số phận khủng khiếp của họ bên dưới không ai đoái hoài. Nhu cầu dùng nhà cầu của những người đang bị lỵ quá cấp thiết.

Trớ trêu thay, chính nhà cầu đã cứu sống một trung úy trẻ đang đói gần chết; trung úy đó là một bá tước có gia đình sở hữu vài lâu đài và điền trang. Anh nghe tiếng một người lính nói gì đó đặc thổ âm quê mình nên kêu to hỏi anh chàng kia quê ở đâu. Người lính nói tên một làng nhỏ gần đó. “Thế còn anh là ai, quê ở đâu?” người lính hỏi lại. Trung úy trả lời. “Ô, phải rồi”, người lính cười. “Tôi biết. Tôi thường thấy ngài cưỡi chiếc Mercedes thể thao màu đỏ đi bắn thỏ qua đấy. Vậy là ta đồng hương. Nếu ngài đói thì may ra tôi giúp được”. Người lính này được chọn làm hộ lý trong bệnh xá nhà tù, mà ở đây nhiều bệnh nhân chết trước khi động đến khẩu phần bánh mì của mình, nên anh ta đã tích trữ được một túi bánh khô để chia cho người khác sau mỗi phiên trực. Sự can thiệp hết sức bất ngờ đó đã cứu mạng trung úy-bá tước.

Chuyện sống chết nhiều khi khác hẳn những gì người ta tưởng. Những người chết trước phần lớn đều to con, vạm vỡ. Những người thấp bé nhẹ cân luôn có cơ hội hơn cả. Cả khi còn trong *Kessel* lẫn lúc đã vào trại tù, phần ăn chia nhỏ đều nhau chỉ đủ cầm hơi cho những người vừa vặn, chẳng ai chia theo kích thước thân thể cả. Lạ một cái là trong các trại lao động cưỡng bức Soviet thì chỉ có ngựa mới được ăn theo kích thước.

\* \* \*

Khi mùa xuân đến, chính quyền Soviet bắt đầu phân bố lại tù binh trong vùng. Cả thảy 235.000 quân binh cũ của Tập đoàn quân số 6 và Tập đoàn tăng số 4, kể cả số bị bắt trong cố gắng giải cứu của Manstein vào tháng 12, cùng quân Romania và các đồng minh khác, đang bị giam giữ trong 20 trại tù và bệnh xá nhà tù trong khắp vùng.

Các tướng là những người đầu tiên rời đi. Đích đến của họ là một trại gần Moskva. Họ lên đường trên thứ mà các sĩ quan cấp dưới giễu cợt gọi là “đoàn tàu trắng” vì các toa của nó rất tiện nghi. Đúng là chua chát khi mà những người ra lệnh chiến đấu đến cùng không chỉ còn sống mà lại được hưởng những điều kiện sống tốt hơn nhiều so với binh sĩ của mình. “Bổn phận của một người tướng là ở bên binh sĩ của mình”, một trung úy nhận xét, “chứ không phải ra đi bằng toa giường nằm”. Như các phóng viên nước ngoài đã ghi nhận, rất ít sĩ quan cao cấp có dấu hiệu đói ăn ngay sau khi đầu hàng nên sức đề kháng của họ không bị suy yếu đến mức nguy hiểm như binh sĩ của mình. Tuy vậy sự ưu đãi mà các tướng nhận được cũng bộc lộ ý thức thứ bậc ở Liên Xô.

Một số ít các sĩ quan được đưa đến các trại trong vùng Moskva như Lunovo, Krasnogorsk và Suzdal. Số được lựa chọn để “giáo dục chống phát xít” thì được đưa đến một tu viện kiên cố ở Yelabuga, phía đông Kazan. Phương tiện vận tải đương nhiên không là gì so với các thứ cho cấp tướng. Trong một đoàn đi tháng 3, có cả thảy 1.800 người thì nhiều người đã chết. Ngoài sốt phát ban, bệnh vàng da, bạch hầu, scorbut[[98]](file:///D:\Ebook-Center\Stalingrad%20-%20Trận%20chiến%20định%20mệnh.docx#_98__Scorbut__benh_thieu_vitamin), phù thũng, giờ đây lại thêm bệnh lao. Và đến giữa tiết xuân thì số ca sốt rét tăng nhanh.

Chuyến di dời của binh lính và sĩ quan cấp thấp mới gọi là đông lũ lượt, với 20.000 đi Bekabad, phía đôngTashkent, 2.500 đến Volsk, đông bắc Saratov, 5.000 xuôi theo sông Volga xuống Astrakhan, 2.000 đến Usman, phía bắc Voronezh, còn những người khác thì đi Basyanovsky, phía bắc Sverdlovsk, Oranky gần Gorky và đến cả Karaganda nữa.

Khi đăng ký trước giờ lên đường, nhiều người ghi là nghề nghiệp là “lao động nông nghiệp” với hy vọng được đưa đến một nông trang. Dân nghiện thuốc thì thu thập phân lạc đà đem sấy khô để có cái mà hút trên đường. Sau những gì đã nếm trải ở Beketovka, họ chắc mẩm điều tệ nhất đã qua rồi, thêm nữa việc chuyển chỗ và thay đổi có sức hấp dẫn của nó, nhưng chẳng mấy chốc họ đã nhận ra mình lầm. Mỗi toa tàu lèn hơn trăm người mà chỉ có một cái lỗ dưới sàn thay nhà cầu. Cái lạnh vẫn cắt da cắt thịt, nhưng cái khát mới là khốn khổ nhất vì họ được phát bánh mì khô với cá muối mà chỉ có ít nước. Quá tuyệt vọng, họ liếm băng đọng trên những bộ phận kim loại bến trong toa xe. Ở các điểm dừng, những người được ra ngoài thường không kim nổi, vục tay xuống bốc một nắm tuyết bỏ miệng. Nhiều người vì thế mà chết, thường là lặng lẽ đến nỗi mãi lâu sau bạn tù mới biết. Xác họ sau đó được xếp bên cánh cửa trượt của toa tàu để tiện bỏ xuống. *“Skolko kaputt?”* Ở các điểm dừng lính canh Soviet sẽ hét lên hỏi bằng tiếng Đức lẫn Nga, nghĩa là “bao nhiêu người chết?”

Một số chuyến đi kéo dài tới 25 ngày. Đường đi qua Saratov, sau đó xuyên qua Uzbekistan đến Bekabad, là một trong số những chuyến đi khổ ải nhất. Trong một toa 100 người chỉ còn 8 người sống sót. Khi tù binh đến được trại tiếp nhận dưới chân dãy Pamir, họ được biết trại được lập ra để phục vụ việc xây dựng một đập thủy điện gần đấy. Họ nhẹ người khi nghe cuối cùng sẽ được trừ chấy rận, nhưng té ra cũng đáng sợ. Họ bị đem ra cạo trụi râu tóc, “chẳng khác gì xén lông cừu”, sau đó bị phun thuốc bột diệt chấy rận. Có mấy người chết vì kiểu dùng hóa chất thô thiển đó.

Ở đó chả có lán trại gì, chỉ là những hầm đất. Nhưng ngạc nhiên hơn cả là có một hạ sĩ Đức theo Hồng quân chỉ huy lính canh. “Chưa từng có người Nga nào đối xử với tôi tàn ác như thế cả”, một tù binh viết[[99]](file:///D:\Ebook-Center\Stalingrad%20-%20Trận%20chiến%20định%20mệnh.docx#_99__Gac_tu_nguoi_Duc_con_duoc_s). May mà tù binh các trại kiểu này tráo đổi thường xuyên. Từ Bekabad, nhiều người đến Kokant hoặc tốt nhất là đến Chuama, nơi có trang thiết bị y tế khá hơn nhiều, thậm chí còn có cả một bể bơi tự làm khá thô sơ. Tù binh Italia ở đó được tổ chức tốt, thường bắt chim sẻ nấu súp.

Những người còn ở lại Stalingrad nhận thấy trại tập trung ở Krasnoarmaeysk đã biến thành trại lao động cưỡng bức. Ít ra thì đồ ăn đã cải thiện với *kasha* (cháo lúa mạch) và súp cá, nhưng công việc thì nhiều khi cũng nguy hiểm. Xuân đến, nhiều người bị đưa đi trục vớt tàu bị máy bay và pháo Đức bắn chìm trên sông Volga. Một giám đốc xưởng tàu Nga phát hoảng trước số tù binh bỏ mạng khi làm việc này đã kể lại cho con gái nghe nhưng trước đó bắt cô thề sẽ không nói hở ra.

Kỷ luật của NKVD ở Stalingrad vẫn không hề lơi lỏng. Các tù binh Đức làm việc trên cả hai bờ Volga nhận thấy tòa nhà đầu tiên trong thành phố được xây lại là trụ sở NKVD, và gần như ngay lập tức đã thấy phụ nữ xếp hàng bên ngoài với các túi đồ ăn cho người thân bị bắt. Lính cũ của Tập đoàn quân số 6 đoán rằng họ còn ở tù nhiều năm nữa. Sau đó Molotov đã khẳng định nỗi lo sợ này với tuyên bố rằng tù binh Đức sẽ được về nhà sau khi xây lại xong Stalingrad.

25

THANH GƯƠM STALINGRAD

Tháng 11 năm 1943, một năm sau Chiến dịch Sao Thiên Vương, một chiếc máy bay vận tải Douglas bay thấp ngay trên Stalingrad. Các nhà ngoại giao Soviet đang trên đường từ Moskva đến Tehran gặp các lãnh đạo Mỹ và Anh. Một trong số đó là Valentin Berezhkov, người từng là phiên dịch của Dekanozov ở Berlin vào đêm trước chiến dịch Barbarossa.

“Chúng tôi im lặng dán mặt vào cửa sổ”, ông viết. “Những ngôi nhà đơn lẻ đầu tiên nằm rải rác trên tuyết lọt vào tầm mắt, rồi sau đó bắt đầu một cảnh tượng tan hoang đến khó tin: những mảng tường, các khung nhà sập dở, những đống gạch vụn, những ống khói trơ trụi”. Tuy vậy họ vẫn có thể nhận thấy những dấu hiệu sự sống. “Trên nền tuyết trắng thấy rõ những thân hình đen đen của con người và chốc chốc lại có những ngôi nhà mới”. Khi ra lại thảo nguyên, họ trông thấy những xác xe tăng.

Trong hội nghị Tehran, Churchill giới thiệu thanh gươm Stalingrad tặng “nhân dân Soviet”. Lưỡi gươm khắc dòng chữ “Tặng cư dân Stalingrad có trái tim thép, món quà từ vua George VI như một biểu tượng lòng ngưỡng mộ của nhân dân nước Anh”. Churchill đã làm cho buổi lễ đáng nhớ nhờ tài hùng biện của mình. Stalin đón nhận thanh gươm bằng cả hai tay, nâng lên môi hôn bao gươm. Sau đó ông chuyển nó cho nguyên soái Voroshilov, ông này vụng về để thanh gươm tuột ra khỏi vỏ rơi xuống sàn đánh choang một tiếng rất to.

Tối hôm đó, Stalin đã nâng ly sau bữa tiệc. “Tôi đề nghị nâng ly”, ông nói, “chúc cho công lý nhanh chóng đến với tất cả bọn tội phạm chiến tranh Đức... Xin chúc chúng ta chung tay tiêu diệt chúng nhanh chóng như tóm cổ chúng, hết thảy bọn chúng, để không còn nhiều bọn đó”.

Hội nghị Tehran đã quyết định chiến lược cho giai đoạn còn lại của chiến tranh. Kế hoạch của Churchill, tiến hành một cuộc đột kích qua Balkan đã bị gạt bỏ vì những lý do thuần túy quân sự. Nỗ lực chủ yếu của các đồng minh phương Tây là nhằm vào Tây Bắc châu Âu. Nhưng chiến lược này lại để số phận của Đông và Trung Âu nằm hoàn toàn trong tay Stalin. Dù rất nghi ngại hậu quả nhưng Churchill không thể làm gì được. Sự hy sinh của Hồng quân và những mất mát khủng khiếp mà người dân Nga phải gánh chịu đã cho phép Stalin thuyết phục các đồng minh phương Tây nhờ biết bao xương máu Liên Xô đã đổ mà phương Tây không thể so sánh được. Một vài sử gia theo dõi sự vươn lên thành một siêu cường của Liên Xô đã đúng khi chỉ ra chiến thắng Stalingrad là cơ sở thành công của Stalin tại Tehran.

Sử dụng hào quang của một lãnh tụ vĩ đại, Stalin thực hiện một sự bù đắp nhỏ nhoi cho Roosevelt bằng cách tuyên bố giải tán Quốc tế Cộng sản vào ngày 15 tháng 5 năm 1943. Georgi Dimitrov vẫn an nhiên lãnh đạo phần còn lại của Quốc tế Cộng sản với một tên gọi khác: Ban Quốc tế của ủy ban Trung ương. Trong khi đó, chiến thắng của Liên Xô ở Stalingrad là cú hích mạnh mẽ nhất có thể tưởng tượng được cho việc tuyên truyền về chủ nghĩa cộng sản trên khắp thế giới. Đó là sự cổ vũ cho cả những người từng mất niềm tin sau cuộc điều tra kiểu Stalinist trong Nội chiến Tây Ban Nha hay Hiệp ước Xô-Đức năm 1939. Câu chuyện đã khích lệ các nhà điêu khắc, họa sĩ, nhà văn và nhà thơ cánh tả kiểu như Pablo Neruda, người đã viết trong bài thơ *Nuevo Canto de Amor a Stalingrado*[[100]](file:///D:\Ebook-Center\Stalingrad%20-%20Trận%20chiến%20định%20mệnh.docx#_100___Ca_khuc_moi_ve_tinh_yeu_d) về tình yêu quốc tế đối với thành phố mà cái tên đã mang đến hy vọng cho thế giới.

\* \* \*

Đối với các tù binh Đức bị bắt ở Stalingrad, tương lai quả là mờ mịt. Có người vẫn còn mơ đến một cuộc đại phản công cứu họ thoát, đêm đêm lại tưởng nghe tiếng pháo của đại binh đang đến. Họ có vẻ sẽ sống sót qua mấy năm sắp tới trong trại tù được dựng lên theo tiêu chuẩn của NKVD với hàng rào 10 lớp kẽm gai bao quanh.

Số phận của kẻ bị giam cũng vô định như đi đánh trận. Và nó cũng có những trớ trêu như của chiến tranh. Dibold, ông bác sĩ người Áo của Sư đoàn bộ binh số 44, đã ngạc nhiên khi có ba bệnh nhân mới đến bệnh xá nhà tù của ông. Bộ ba này trông có vẻ là người Do Thái, mặc quân phục Đức với phù hiệu đại bàng và chữ thập ngoặc. Một trong số họ mỉm cười trước vẻ bối rối của ông. “Bác sĩ, đây là chuyện quái đản của thế kỷ XX: một người Do Thái mà lại đi lính cho Adolf Hitler”. Họ thuộc một tiểu đoàn lao dịch Hungary. Những người Nga bắt họ đã lấy quần áo thu được trong kho phát cho họ mặc.

Mặc dù suất ăn trong trại giam đã được cải thiện trong mùa hè 1943, nhưng mỗi trại một khác. Suất ăn thường bị cánh hậu cần tha hóa bớt xén đem đổi vodka, hoặc bị đám lính canh mà gia đình họ không nhận nhiều hơn tù binh Đức là mấy cũng tìm cách ăn bớt của tù. Tuy nhiên cũng không thể nói trước được. Tù nhân đã đem hình con mình ra thử lính canh và họ mềm lòng. Ở một bệnh xá nhà tù bên ngoài Stalingrad, sau khi nghe bệnh nhân kể về những thảm trạng trên đường đi, lính canh Nga đã tha mạng cho ba tù binh bị bắt lại trong lúc chạy trốn.

Mặc dù điều kiện đã được cải thiện vào mùa xuân năm 1943, tỷ lệ tử vong ở các bệnh xá nhà tù ít nhất vẫn là 1% mỗi ngày. Khó khăn vẫn còn chồng chất, nhất là trong vùng Stalingrad, với đủ thứ bệnh như pellagra[[101]](file:///D:\Ebook-Center\Stalingrad%20-%20Trận%20chiến%20định%20mệnh.docx#_101__Pellagra__benh_thieu_niaci), bệnh lao, phù thũng và scorbut thêm vào các bệnh trước đó. Một nữ bác sĩ Soviet nói với đồng nghiệp Đức rằng, người dân Stalingrad còn mắc bệnh scorbut nhiều hơn tù binh Đức nữa, nhưng bà vẫn cho phép cho các nhóm ra ngoài hái thảo dược và các thứ rau cỏ để các bác sĩ Đức tinh chế vitamin. Óc sáng tạo của các bác sĩ tù binh đã tạo ra những thứ tuyệt vời. Một người từ một mẩu kim loại đã chế ra máy đo huyết áp. Các bác sĩ đã điều chế thuốc tiêm chủng bệnh sốt phát ban từ chất chiết xuất từ ruột rận. Mọi thứ bằng lụa đều có thể tước ra làm chỉ phẫu thuật, còn dao mổ thì được làm bằng vỏ hộp mài sắc.

Tù binh bỗng dưng trở thành giai cấp mạt rệp đã phải học hỏi rất nhanh. Họ làm nhái và cải tiến nhiều thiết bị tài tình. Họ còn học cách chế biến hầu hết đồ ăn của mình, ví dụ như lấy xương cá trong súp đem nướng rồi giã nhỏ. Có người đã mắc những sai lầm khủng khiếp. Ở Ilmen, các tù binh ăn lau sậy và độc cần mà chết. Rồi một người khoắng được một vốc bơ trong bếp ăn, đã mất mạng vì dạ dày anh ta không quen chứa từng ấy chất béo.

Ăn uống kham khổ sau những tuần đói trong *Kessel* là lý do chủ yếu khiến bệnh nhân trong các bệnh xá nhà tù không hồi phục được. Tóc họ rụng gần hết và các cơ ở cổ không đủ sức giữ đầu họ cho thẳng. Những con người gần đất xa trời này toàn tránh ánh nắng, cứ như đang chuẩn bị để đến với bóng tối vĩnh hằng vậy.

Cái chết thường là sự giải thoát, giống như giấc ngủ khi mỏi mệt. Một số lịm đi khá bất ngờ, ngay khi các thầy thuốc nghĩ rằng họ đã hết nguy hiểm. Người bệnh thường nằm chung cho ấm nên có người tỉnh giấc thấy mình nằm cạnh một xác chết. Có người chết rất nhanh. Helmuth Groscurth chết vì sốt phát ban vào ngày 7 tháng 4 năm 1943 ngay trong trại giam sĩ quan ở Frolovo, nơi có vài ngàn bệnh nhân chết. Phải ba năm sau gia đình ông mới nhận được tin báo. Kurt Reuber chết 20 tháng 1 năm 1944 ở trại Yelabuga chỉ vài ngày sau khi ông vẽ xong một bức Đức Mẹ khác cho lễ Giáng sinh với cùng dòng chữ: “Ánh sáng, Cuộc sống, Tình yêu”.

Vài người sau khi đã sống sót qua những thứ tồi tệ nhất đột nhiên lại tự sát. Trong một bệnh xá nhà giam, một sĩ quan tỉnh dậy thấy người bạn nằm giường bên cứ ngồi bất động. Người này đã tự sát bằng cách “đâm một mảnh kính cửa sổ vỡ ngay vào tim”.

Ngay cả những người tương đối khỏe cũng ít có hy vọng sống sót. Phần ăn của họ - chẳng hạn như kê không xay thì chạy tuột qua dạ dày ra ngoài — không cho họ bao nhiêu sức lực để làm những công việc nặng nhọc mà họ được NKVD yêu cầu làm theo định mức Stakhanovite. Đầu tiên họ phải chuẩn bị nơi ăn chốn ở trong khu rừng gần như nguyên sơ. Họ khống có lều lán gì mà ở dưới hầm, cứ mỗi độ xuân thu là ngập nước. Một khi đã lập trại xong, cuộc sống của họ là lao động nặng nhọc, đốn và kéo gỗ, đôi khi còn xắn than bùn để dành cho mùa đông. Những người ở lại vùng Stalingrad thì xây dựng lại thành phố và trục vớt tàu đắm trên sông Volga, về sau cùng làm với các tù nhân Nga đào kênh Volga-Đông, tuyệt tác của thời đại Stalin.

\* \* \*

Ít lâu sau chiến thắng ở Stalingrad, nhà nước Soviet đã lên kế hoạch đánh đổ chế độ Quốc xã và dựng lên một nhà nước cộng sản Đức. Tù binh mọi cấp đều được phân loại thành “chống phát xít” và “phát xít”.

Vào mùa xuân và mùa hè năm 1943, các sĩ quan cao cấp được chuyển từ một trại ở Krasnogorsk đến tu viện ở Suzdal, sau đó sang nơi sẽ trở thành căn cứ bán thường trực của họ: trại 48 ở Voikovo, một quán trọ nhỏ cũ kỹ có suối nước nóng hồi sức, được gọi vống lên thành “lâu đài” vì tương đối sang trọng. NKVD đã tách Schmidt lì lợm ra khỏi Paulus vì ông ta bị coi là có ảnh hưởng xấu.

Cục Tù binh của NKVD trước hết đã tạo ra một tổ chức gọi là Ủy ban Quốc gia Nước Đức Tự do. Để điều hành nó, người của Beria sử dụng các đảng viên cộng sản Đức. Hai tháng sau, một nhóm khác là Liên đoàn các sĩ quan Đức được thành lập để lôi kéo những người chống Quốc xã nhưng không muốn ủng hộ Ủy ban Quốc gia.

Thiếu tướng Phó Cục trưởng Dmitry Melnikov điều hành các hoạt động này. Mặc dù có vai vế trong Đế chế của Beria song Melnikov vẫn cộng tác chặt chẽ với Ban Quốc tế của ủy ban Trung ương. Dmitry Manuilsky, từng là gần gũi với Stalin trong Quốc tế Cộng sản, chịu trách nhiệm đặc biệt về công việc liên quan đến Đức đã nhận được một báo cáo có thể giải thích cho chuyến đi khó hiểu của ông đến Stalingrad vào giai đoạn sau của cuộc chiến, khi Chuikov từ chối không cho ông sang bờ tây sông Volga.

Ngày 19 tháng 8 năm 1943, ba viên tướng Stalingrad là Seydlitz, Lattmann và Korfes, những người trong lúc thẩm vấn đã tỏ ra hợp tác, được đưa từ Voikovo đến “trung tâm tái đào tạo” ở Lunovo. Seydlitz xem ra về mặt cảm xúc đã hoàn toàn bị thuyết phục bởi cái mà ông tin là sự thay lòng đổi dạ tập thể của nhiều sĩ quan, tất cả đều muốn cứu nước Đức khỏi con đường diệt vong của Hitler. Ông tự coi mình là lãnh đạo đương nhiên của họ.

Đầu tháng 9, Melnikov cử Seydlitz, Korfes và Lattmann trở lại Voikovo để lôi kéo các tướng Stalingrad khác. Họ đến lúc đêm khuya thành thử các tướng vẫn mặc đồ ngủ từ các phòng kéo ra xem có chuyện gì mà ồn ào thế. Nhưng khi Seydlitz cất giọng thống thiết nói rằng đây là ngày của “một Tauroggen mới” thì Tướng Strecker giận dữ quay đi. Rồi hôm sau, khi Seydlitz và Lattmann hối thúc họ tham gia ký vào lời kêu gọi nổi dậy chống lại chế độ Hitler thì Strecker, Sixt von Arnim, Carl Rodenburg và Pfeffer đã lên tiếng buộc tội họ phản bội. Tuy vậy, Seydlitz và các cộng sự cũng có được các tướng Edler von Daniels, Drebber và Schlomer.

Sẵn oán ghét Hitler và tin rằng cần phải tham gia vào trào lưu lịch sử để cứu nước Đức, Seydlitz đã không nhận thấy những mối nguy hiểm. Họ nhảy sang phe chống Quốc xã quá muộn thành ra phe Đồng Minh sẽ không nghe họ hay để họ có tiếng nói đối với vận mệnh của đất nước. Trong khi đó, những người đứng ra tổ chức họ (dường như ông còn không biết rằng Melnikov là người của NKVD) chẳng qua chỉ khai thác họ vì những lợi ích của Liên Xô.

Các tài liệu Soviet cho thấy rằng vào ngày 17 tháng 9 năm 1943, Seydlitz với tư cách là Chủ tịch Liên minh các sĩ quan Đức đã trình cho Tướng Melnikov một kế hoạch, trong đó để xuất xây dựng một quân đoàn với 30.000 người từ số tù binh bị bắt tại Stalingrad. “Theo ý Seydlitz”, Melnikov báo cáo lại cho Beria, “quân đoàn này sẽ là cơ sở cho chính quyền mới sau khi Hitler bị lật đổ”.

“Seydlitz”, Melnikov viết thêm, “tự coi mình là ứng viên cho chức tư lệnh các lực lượng vũ trang của nước Đức Tự do trong tương lai”. Ông còn hứa soạn một kế hoạch cho chiến dịch tuyên truyền trên báo đài, “đưa người vào hậu phương của Đức để lôi kéo chỉ huy các đơn vị bên trong về phe ta và tổ chức hành động chung chống chế độ Hitler”. Seydiitz sẽ gửi tin nhắn “cho các bạn bè mình là Tư lệnh mặt trận trung tâm von Kluge và Tướng Georg Thomas, người phụ trách nhân sự trong đại bản doanh của Hitler”.

Seydlitz cùng với các tướng Lattmann và Korfes và Đại tá Gunter van Hooven trình kế hoạch của mình vào ngày 22 tháng 9. Ông chờ đợi chính quyền Soviet giúp họ thành lập “một đội quân nhỏ từ các tù binh cho chính phủ Đức mới dùng để cướp chính quyền”. Họ yêu cầu khung một tập đoàn quân, khung hai quân đoàn, bốn sư đoàn đầy đủ và lực lượng không quân hỗ trợ với ba phi đội ném bom, bốn phi đội tiêm kích và một nhóm trinh sát đường không: cả thảy có 7 tướng, 1.650 sĩ quan và 42.000 lính. Có vẻ Seydlitz không biết tỷ lệ tử vong của tù binh Stalingrad sau khi đầu hàng.

Trong lần gặp sau, Seydlitz gợi ý rằng “cho toàn quân bay vào Đức, có thể là Berlin”. Sĩ quan NKVD có mặt ở đó nêu lên “những khó khăn về mặt kỹ thuật nếu cho ngần ấy người bay vào Đức nhưng Seydlitz đáp rằng về khoản chi tiết thì phía Nga lo”. Tuy nhiên Tướng Korfes thì không giấu nỗi bực tức trước mơ tưởng hão huyền đó. “Nghĩ rằng có thể vận chuyển tất cả ngần ấy đơn vị bằng đường không thì đúng là không tưởng”, ông nói. Rồi ông thêm: “Các chỉ huy không quân Nga qua cái đề nghị đó mà đánh giá tướng Đức toàn bọn mơ mộng viển vông”[[102]](file:///D:\Ebook-Center\Stalingrad%20-%20Trận%20chiến%20định%20mệnh.docx#_102__Di_nhien_cung_co_the_Tuong).

Seydlitz có vẻ không nhận thấy sự bực tức và khó chịu mà ông và các đồng sự gây ra. Các sĩ quan phản đối quyết liệt phe chống phát xít bèn lập ra một phiên tòa danh dự, kết án những người hợp tác với Nga sẽ bị xa lánh mãi mãi. Để tỏ thái độ thách thức, họ bắt đầu giơ thẳng tay chào. Việc chia phe như vậy khiến những người không muốn dây dưa gì với cả bên “chống phát xít” lẫn bên trung thành với Hitler thêm khó sống. Một trung úy bị buộc phải ngủ dưới sàn mấy tuần liền vì các phe đối địch không cho anh một chỗ nào để nằm.

Tháng 2 năm 1944, máy bay Nga bắt đầu thả tờ rơi có chữ ký của Seydlitz và các cộng sự xuống Đức và các đơn vị tiền tuyến. Gestapo liền có báo cáo khẩn gửi cho Himmler chứng thực chữ ký của Seydlitz là thật. Tướng Herbert Gille thuộc Waffen-SS[[103]](file:///D:\Ebook-Center\Stalingrad%20-%20Trận%20chiến%20định%20mệnh.docx#_103__Waffen_SS__canh_quan_su_cu) mà đơn vị đang ở vùng lồi Cherkassy, nơi có tờ rơi của Ủy ban Quốc gia thả xuống, đã gửi nó về Đức. Ông ta cũng gửi luôn cả thư gửi cho mình từ các tướng Seydlitz và Korfes, những người mới được Shcherbakov đưa đến mặt trận này. Một lần nữa chữ viết lại được Gestapo phân tích và xác nhận là đúng.

Tờ rơi đã gây hoang mang. Hitler gọi Himmler đến gặp, sau đó cử Schmundt đem một tờ tuyên bố trung thành đến cho các thống chế ký. Ngay cả như vậy ông vẫn chưa yên tâm. Ngày 19 tháng 3, von Rundstedt, Rommel, Kleist, Ernst Busch, von Weichs và Manstein được triệu tập về Berghof để đọc một tuyên cáo kết tội Tướng Seydlitz - Kurzbach, “tên phản bội đê hèn đối với sự nghiệp thiêng liêng của chúng ta”, và khẳng định sự ủng hộ đối với Hitler.

Mặt khác, Cục [Tù binh] của Melnikov cũng bắt đầu hoài nghi. Việc chiêu mộ rớt lại, trong khi những cố gắng tuyên truyền không tạo được hiệu quả như hy vọng, ngay cả khi *Wehrmacht* đang hứng chịu những thất bại nặng nề. Seydlitz cho rằng “không có được thành công đáng kể” là vì “người Đức không có chí hướng làm cách mạng, hệ thống cảnh sát kìm kẹp, ý kiến cá nhân hoàn toàn bị bóp nghẹt, không có một tổ chức kháng chiến khả dĩ và sợ thất bại với những hậu quả của nó, đã thế lại còn trầm trọng hơn vì lâu nay vẫn sợ chủ nghĩa Bolshevik”. Bất chấp những thất bại, ông vẫn muốn Liên Xô “chính thức công nhận” Ủy ban Quốc gia là chính phủ sắp tới. Nhưng Dmitry Manuilsky, cảnh báo rằng bản ghi nhớ của Seydlitz “soạn thảo theo kiểu vòng vo”, là “mưu toan kích động” làm “phương hại mối quan hệ của chúng ta với đồng minh”. “Không còn nghi ngờ gì”, ông viết, “việc chính phủ Soviet công nhận Ủy ban Quốc gia sẽ kích động cả một chiến dịch ở Anh và Mỹ nhằm cho thấy quan điểm thân Đức của Liên Xô”. Hiệp ước Molotov-Ribbentrop rõ ràng vẫn còn nguyên trong ký ức của Liên Xô. Manuilsky nghi ngờ rằng Seydlitz đã bị Tướng Rodenburg và “cựu trùm tình báo quân đội”, Đại tá van Hooven (ông này thực ra là sĩ quan thông tin) giật dây.

Sự hoang tưởng kiểu vô lối càng thêm trầm trọng. Tháng 5 năm 1944, Weinert, Chủ tịch Ủy ban Quốc gia, cử ba sĩ quan Đức đến Phương diện quân Leningrad để làm tuyên truyền cho Hồng quân. Hai sĩ quan là Đại úy Stolz và Trung úy Willimzig đã từ chối làm điều họ được lệnh phải làm. Họ đã bị áp giải trở lại Moskva để Weinert, Ulbricht, Tướng Seydlitz và Tướng Lattmann thẩm vấn. Sau bốn ngày trời họ bị yêu cầu nhận mình là “thành viên một tổ chức phát xít bí mật bên trong Liên minh các sĩ quan Đức”. Cả hai người bị NKVD bắt như các điệp viên hai mang làm việc cho Quốc xã và bị đưa đi tiếp tục hỏi cung. Các sĩ quan Đức khác, gồm cả Tướng Rodenburg bị bắt và đến lượt mình cũng “thú tội”. Manuilsky cho rằng âm mưu mà ông đã nghi ngờ từ lâu nay đã bại lộ, lập tức ra lệnh rút hết các sĩ quan Đức đang làm tuyên truyền trên các mặt trận về. Rõ ràng là Stalin đã quyết định mấy cái trò vô bổ này không đáng để đồng minh phương Tây nghi ngại trong giai đoạn này của cuộc chiến khi ông vẫn cần sự hỗ trợ của họ.

\* \* \*

Lúc này Seydlitz đang rất chán nản. Để vực dậy tinh thần của ông, các sĩ quan NKVD đã làm một chiếc bánh sinh nhật với bốn bông hồng bằng bột hạnh nhân đỏ thắm tượng trưng cho bốn cô con gái của ông. Nhưng cũng giống như mọi người mắc chứng rối loạn lưỡng cực khác, ngay lúc đó ông lại nổi cơn lạc quan thái quá. Âm mưu ám sát Hitler ngày 20 tháng 7 tuy bất thành, nhưng chiến dịch đàn áp của Gestapo sau đó đã bộc lộ mức độ chống đối trong quân đội Đức ngay giữa lòng đất nước. Ngay cả Strecker khi nghe tin hành quyết Thống chế Erwin von Witzleben đã đòi ký lời kêu gọi chống Hitler dù vẫn coi thường Seydlitz.

Ngày 8 tháng 8 năm 1944, Beria vui mừng báo cáo cho Stalin rằng rốt cuộc Paulus đã chịu ký thông cáo gửi nhân dân Đức. Tiếp đó Paulus kêu gọi Cụm Tập đoàn quân Bắc đầu hàng, lời lẽ hoàn toàn do NKVD soạn “theo chỉ đạo của đồng chí Shcherbakov”, bên dưới là chữ ký ngày 21 tháng 8 của Paulus cùng 29 viên tướng bị bắt.

Thông cáo của Paulus lại khơi dậy cơn giận của Hitler vì đã phong ông ta lên thống chế. Nghi ngờ của *Fuhrer* rằng Paulus đã tự nộp mình cho người Nga đã được khẳng định. Với lại việc Paulus, sau gần một năm rưỡi bị giam cầm, giờ mới ra thông cáo rõ ràng không phải vô cớ. Con trai ông, Đại úy Friedrich, đã bị giết ở Anzio vào tháng 2 năm 1944 nên chắc chắn ông đã nhìn nhận bổn phận của mình khác đi. Ông muốn giúp giảm bớt số người chết vô ích. Một con trai khác của ông, Ernest Alexander, cũng là đại úy sau đó đã bị bắt theo luật liên đới (Sippenhaft). Mùa thu năm đó, bà mẹ người Romania của họ, Elena Constance Paulus, người vốn không tin Quốc xã, đã được các sĩ quan Gestapo cho biết bà sẽ thoát tội nếu chịu đổi lại họ tên. Nghe nói bà đã khinh bỉ quay đi. Bà đã bị bắt và bị nhốt vào một trại tập trung.

Không biết tin tức gì, Paulus đòi được gặp một ủy viên trung ương đảng “người có thể giải thích các nguyên tắc trong chính sách của Liên Xô đối với nước Đức bại trận”. Ông “và các tướng khác bị bắt đang chịu trách nhiệm nặng nề về việc kêu gọi lật đổ chế độ Hitler nên phải có quyền được biết chính sách của chính phủ Liên Xô đối với nước Đức”.

Ông bày tỏ hy vọng nước Đức sẽ không bị hủy diệt trong một loạt các cuộc thẩm vấn vào tháng 2 năm 1945 với Trung tướng Mikhail Spiridonovich Krivenko, tổng cục trưởng Tổng cục Tù binh và Ngoại kiều bị cưỡng trú (GUVPI) của NKVD, và Amayak Zakharovich Kobulov, Phó Tổng cục trưởng thứ nhất GUVPI kiêm Cục trưởng Cục 3 (tác chiến)[[104]](file:///D:\Ebook-Center\Stalingrad%20-%20Trận%20chiến%20định%20mệnh.docx#_104__Ten_va_chuc_danh_hai_nhan). (Kobulov vốn là tình báo viên trưởng của NKVD tại Berlin ngay trước khi chiến dịch Barbarossa phát động, là người điều hành buồng thẩm vấn của Dekanozov trong sứ quán Soviet). “Phải nói rằng”, Krivenko và Kobulov viết trong báo cáo gửi Beria, “khi các chiến dịch quân sự đang diễn ra trên lãnh thổ Đức, tâm trạng của các tướng Đức tù binh là hết sức rầu rĩ. Tướng pháo binh Seydlitz đã rất bức xúc khi nghe tin về cuộc gặp mặt của các lãnh đạo Tam Cường [tại Yalta]. Seydlitz nói rằng có vẻ như Đức sẽ bị chia ra cho Mỹ, Anh, Liên Xô và Pháp. Nước Đức sẽ bị xé lẻ và cách tốt nhất là nên sáp nhập vào Liên Xô ‘như nước cộng hòa Soviet thứ mười bảy’”[[105]](file:///D:\Ebook-Center\Stalingrad%20-%20Trận%20chiến%20định%20mệnh.docx#_105__Nguyen_van___as_the_sevent).

Khi tin về nước Đức đầu hàng vô điều kiện truyền về Moskva ngày 9 tháng 5 năm 1945 và hàng ngàn loạt súng chào mừng từ điện Kremli vọng đến, Strecker nhớ lại ông và các đồng sự đã “xuống tinh thần... khi nghe tuyên cáo thắng trận của Nga cùng những bài hát của lính Soviet đang say rượu”.

Với người Nga thì trái lại, đó là cái kết tự hào nhưng chạnh buồn của nỗi ác mộng đã bắt đầu từ gần bốn năm trước mà Hồng quân phải trả bằng cái giá gần 9 triệu người chết và 18 triệu người bị thương. (Chỉ 1,8 triệu tù binh sống sót trở về trong số hơn 4,5 triệu bị *Wehrmacht* bắt). Thương vong của dân thường khó theo dõi hơn nhiều, nhưng người ta cho rằng phải lên tới gần 18 triệu, đưa tổng số người thiệt mạng trong chiến tranh của Liên Xô lên hơn 26 triệu, nhiều gấp năm lần tổng số này của Đức.

\* \* \*

Năm 1946, Paulus ra làm nhân chứng trước tòa án Nuremberg. Báo chí Soviet gọi ông là “hồn ma của Stalingrad”. Về sau, ông sống tại một biệt thự ở Moskva, nơi ông chơi bài và viết lại cảm nhận của ông về các sự kiện. Ông già nhanh và mặt ông bị giật tệ hơn. Năm 1947, vợ ông qua đời tại Baden-Baden, không gặp lại ông lần nào. Người ta chỉ có thể phỏng đoán cảm giác của bà về tai ương mà trận Stalingrad đã báo trước cho quê hương Romania của bà và cho chính gia đình bà.

Tháng 11 năm 1947, khi cuộc Chiến tranh Lạnh đang tăng tốc nhanh chóng, chính quyền Soviet quyết định rằng những kẻ bị coi là tội phạm chiến tranh theo sắc lệnh ngày 13 tháng 4 năm 1943, “bất kể tình trạng thể chất” phải bị đưa đi lao động cưỡng bức ở Vorkhuta, phía bắc dãy Urals. Cựu thành viên SA, SS, giám trại, cảnh sát dã chiến mật và quân cảnh — một vài trường hợp còn có cả đoàn viên thanh niên Hitler nữa — đều bị đưa đến các trại “chế độ đặc biệt”.

Khi bộ khung tương lai của nước Cộng hòa Dân chủ Đức bắt đầu quy tụ ở khu vực do Liên Xô kiểm soát tại Đức, một số sĩ quan cao cấp từ Stalingrad gồm Lattmann, Korfes, Muller và Steidle đều có vai trò, một số gia nhập cảnh sát. Việc Tướng Arno von Lenski vào Đảng Cộng sản giúp ông được bầu vào Bộ Chính trị. Đại tá Adam lúc đó vẫn là cảm tình viên được chỉ định vào một chức vụ vô thưởng vô phạt trong đảng Xã hội Thống nhất. Tướng Seydlitz thì ngơ ngác không biết đi đằng nào.

Năm 1949, một đợt thanh trừng nữa tràn qua Liên Xô. Chiến tranh Lạnh sau khi Tây Berlin bị vây hãm là giai đoạn bất ổn nhất. Phi công chiến đấu lão luyện Erich Hartmann bị buộc tội phá hỏng máy bay thuộc tài sản của chính phủ Soviet. Tướng Strecker bị lôi trở lại Stalingrad, nơi tòa án quân sự buộc ông tội tàn phá nhà máy chế tạo máy kéo mặc dù quân đoàn của ông mãi đến cuối cuộc chiến mới có mặt tại khu vực này, mà lúc đó nó đã là đống đổ nát từ lâu. Giống như phần lớn những người bị buộc tội đợt này, ông nhận án tử hình, tự động giảm xuống thành 25 năm tù giam. Trung úy Gottfried von Bismarck bị tuyên 25 năm khổ sai vì các tù binh Nga đã phải làm việc trong điền trang gia đình anh ta ở Pomerania. Tháng 7 năm 1950, Tướng Seydlitz hoàn toàn vỡ mộng và đầy cay đắng, đã bị bắt và bị kết án 25 năm tù giam vì tội ác chiến tranh và là “viên tướng phục thù, phản động”.

\* \* \*

Những tù binh ít điều tiếng thì bình yên hơn, thường cảm ơn lòng nhân hậu của phụ nữ Nga. Nhiều khi điều đó là một phần của truyền thống lâu đời. Trong quá khứ, trại tù Kamshkovo nằm giữa Moskva và Gorky, có con đường Vladimirskaya chạy qua. Đó cũng là đường mà các toán lưu đày thời Nga hoàng đi qua để đến Sibir. Nông dân đã ra đưa nước hoặc thậm chí còn mang vác đồ nặng giúp họ. Tình người thuần khiết không chút vị kỷ vẫn luôn còn đó.

Bác sĩ người Áo Hans Dibold hết sức cảm kích trước sự cảm thông của người Nga khi một trong những sĩ quan quân y đáng kính nhất, bác sĩ Richard Speiler đến từ bệnh viện Weizsacker ở Heidelberg, đột nhiên lâm bệnh vào đầu xuân năm 1946. Ông đã sống sót qua sốt phát ban, thương hàn và bạch hầu trong trại giam Ilmen. Mới đầu các đồng nghiệp tưởng ông bị sốt rét. Thực ra đó là nhiễm độc máu mà ông mắc phải trong thời gian làm việc. Đồng nghiệp của ông áy náy với ý nghĩ vì họ chẩn đoán sai mà ông không qua khỏi. Họ cho ông uống sulphonamides và số penicillin cuối cùng họ có. Hai trợ lý phát thuốc người Nga cũng đưa ra nốt số penicillin cuối cùng vốn đã được cấp cho các bệnh nhân Nga, nhưng ông vẫn chết.

\* \* \*

Lối mòn ra nghĩa trang bệnh viện có những cây thông thấp và các khóm bách hai bên. Phía sau là rừng. Các bác sĩ Nga tỏ lòng kính trọng nên chỉ huy trại đã cho phép các đồng nghiệp của Speiler tổ chức tang lễ cho ông ở nghĩa địa trong rừng theo ý nguyện của họ. Speiler đã trở lại Công giáo trong những ngày cuối đời. Các bác sĩ Nga bất chấp phản ứng của Chính ủy, tham dự cả một lễ cầu nguyện do một vị linh mục cao ngòng chủ trì. Đối với những người sống sót của Tập đoàn quân số 6 có mặt hôm đó, “buổi lễ không chỉ cho một người chết nằm đây mà cho cả những người nằm rải rác ngoài kia, cho cả những người xa xuống phía nam, trong Stalingrad và trên thảo nguyên giữa sông Đông và sông Volga, và cho những ai không có lời Thiên Chúa tiễn đưa về nơi an nghỉ cuối cùng”.

Kể từ năm 1945, có khoảng 3.000 tù binh Stalingrad được thả, từng người hay từng nhóm và được phép về nhà, thường là vì họ bị coi là mất khả năng lao động. Vào năm 1955, vẫn còn 9.626 tù binh Đức, hay là “tội phạm chiến tranh được phóng thích” như Khruschev gọi họ, trong đó có khoảng 2.000 người sống sót từ Stalingrad. Những tù binh này được trả tự do sau chuyến thăm của Thủ tướng Konrad Adenauer đến Moskva vào tháng 9 năm 1955. Trong số này có các tướng Strecker, Seydlitz, Schmidt và Rodenburg, cả Trung úy Gottfried von Bismarck, người gần 13 năm trước đã bay vào *Kessel* trả phép sau bữa tối với Thống chế Manstein. Chỉ nguyên việc còn sống, anh viết, “là đã đủ lý do để cảm ơn số phận được rồi”.

Seydlitz, khi hành trình của họ kết thúc ở Freidland bei Gottinggen, đã biết rằng ông phải đối mặt với một tương lai u ám trong bối cảnh Chiến tranh Lạnh. Vào tháng 4 năm 1944, ông đã bị buộc tội vắng mặt là phản quốc và toàn bộ tài sản đã bị sung công. Quyết định này đã bị hủy bỏ năm 1956, nhưng quân đội mới của Đức từ chối phục hồi cấp bậc và hưu bổng cho ông. Việc ông hợp tác với kẻ thù cộng sản, trong mắt nhiều người đã gạt ông ra khỏi hàng ngũ các sĩ quan đã âm mưu ám sát Hitler, mặc dù Tướng Achim Oster, một trong ít người sống sót sau chính biến tháng 7 công nhận Seydlitz cùng hàng ngũ với mình. Ông chết giống như kỵ sĩ tổ tiên mình “là người rất bất hạnh”.

Giống các sự kiện lịch sử được lục tìm lại về năm tháng chiến tranh trước đây, việc đổ lỗi cho nhau về trách nhiệm đối với thất bại của Tập đoàn quân số 6 càng thêm căng thẳng. Schmidt, người luôn không chịu hợp tác với đối phương chứ không như Hitler nghĩ, đến giờ vẫn hận thấu xương các sĩ quan trong phong trào Nước Đức Tự do. Đại tá Adam, người đã lên án ông ta ép Paulus chiến đấu đến cùng, thì bị Schmidt khinh miệt gọi là “kẻ ăn lương hưu của vùng Soviet chiếm đóng”.

Ở Đông Đức, Paulus cố gắng một cách vô vọng bảo vệ mình trước những lời buộc tội ông quá quỵ lụy Hitler và thiếu quyết đoán. Sau khi được tha vào mùa thu năm 1953, ông sống trong khu Soviet, viết hết bài này đến bài khác giải thích tình thế mà ông đã phải đối mặt. Bệnh tật liên miên một thời gian dài, ông chết ở Dresden năm 1957. Thi hài ông được đưa về Tây Đức và được chôn bên cạnh vợ ông ở Baden-Baden.

Đối thủ của Paulus ở Stalingrad, Tướng Chuikov, Tập đoàn quân số 62 của ông đã đi hết chặng đường dài đến Berlin với phiên hiệu Tập đoàn quân cận vệ số 8, riêng ông đã trở thành tư lệnh lực lượng chiếm đóng, nguyên soái Liên Xô, Thứ trưởng Bộ Quốc phòng dưới trướng Khrushchev, người đã bổ nhiệm ông vào cái đêm tháng 9 hung hiểm ấy bến sông Volga.

PHỤ LỤC B

BÀN VỀ SỐ LIỆU THỐNG KÊ:

LỰC LƯỢNG TẬP ĐOÀN QUÂN SỐ 6 TẠI *KESSEL*

Trong một rừng số liệu về quân số Tập đoàn quân số 6 bị bao vây, ít nhất cũng cần phải có một nỗ lực nhằm làm sáng tỏ con số này là bao nhiêu. Số liệu ước tính về quân số của Tập đoàn quân số 6 trong *Kessel* vào ngày 19 tháng 11 năm 1942 có biên độ dao động rất rộng, lý do chính có lẽ là vì có quá nhiều người Nga được liệt vào hàng ngũ Tập đoàn quân số 6 và ăn theo biên chế Đức chứ không được tính tách bạch. Trong các số liệu đưa ra trong cuốn *Stalingrad: Analyse und Dokumentation einer Schlacht* (Stalingrad: Phân tích và tư liệu) của Manfred Kehrig, ấn bản uy tín xuất bản năm 1974 dưới sự bảo trợ của Militargeschichtlichen Forschungsamt gần đây, có những số liệu đã bị Overmans thách thức. Dựa chủ yếu trên những ước tính trước đó của *Wehrmacht* (về cơ bản là một nỗ lực về sau nhằm tính toán từ các hồ sơ cán sự đã bị kẹt lại bên trong *Kessel*), Overmans đưa ra số liệu lính Đức bị bao vây là 195.000, Hiwi là 50.000 và Rumania là 5.000, tổng là xấp xỉ 250.000. Kehrig thì ước tính con số này là 232.000 người Đức, 52.000 người Hiwi và 10.000 người Rumania, tổng gần 294.000. Một nghiên cứu mới đây hơn ước tính đến ngày 18 tháng 12 tổng số này là 268.900, trong đó 13.000 là người Rumania và Italia và 19.300 là Hiwi.

Số liệu phân tách cuối cùng này (kể cả sai số về ngày và con số thương vong) tính ra gần bằng với tổng số đưa ra ngày 6 tháng 12 của Oberquartiermeister của Tập đoàn quân số 6. Theo số liệu về biên chế Tập đoàn quân số 6 trong *Kessel* này, tổng là 275-000, gồm 20.300 người Hiwi và 11.000 người Rumania. (Nguồn tin quân đội Rumania khẳng định họ có 12.600 người trong *Kessel*. Cũng có vài trăm người Italia nữa.) Nếu cộng vào tổng số 15.000 người mất tích chỉ riêng tại *Kessel* từ 21 tháng 11 đến 6 tháng 12, điều đó có nghĩa rằng gần như 290.000 người đã bị bao vây vào 22 tháng 11. Các tác giả đều thống nhất có khoảng 25.000 người bị thương và chuyên gia được bay thoát vây, nhưng rất mơ hồ về số lượng bị chết hoặc bắt làm tù binh. Sự thực sẽ không bao giờ biết được trong những cái hỗn loạn sau cuộc tổng tiến công của Soviet vào ngày 10 tháng 1 năm 1943 nhằm triệt hạ *Kessel*. Tất cả những gì chúng ta có thể chắc chắn là chỉ chưa đến 52.000 thành viên Tập đoàn quân số 6 đã bỏ mạng trong thời gian 22 tháng 11 và 7 tháng 1, nhưng không nói bao nhiêu trong đó là người Hiwi. Số liệu Soviet đưa ra về tù binh từ 19 tháng 11 và 31 tháng 1 - 111.465 cũng như 8.928 tại bệnh viện - không nêu cụ thể số người Đức là bao nhiêu và - quan trọng hơn - không nêu bao nhiêu trong đó thuộc về lực lượng bị bao vây và bao nhiêu người bị bắt trong các chiến dịch Bão Mùa đông và Sao Thổ Nhỏ. Đòn tấn công Chiến dịch Cái Vòng của Soviet vào ngày 10 tháng 1 năm 1943, cộng thêm vào hiệu ứng bệnh tật, rét, đói, kiệt quệ, xét xử trình diễn, gợi ý rằng những tổn thất còn tăng vọt - có khi gấp đôi, lên tới 100.000 nạn nhân, trong đó có người Hiwi. Cả Kehrig lẫn Overmans đều ước tính những tổn thất phía Đức từ ngày 22 tháng 11 cho đến khi đầu hàng là gần 60.000 người. Cố nhiên họ không cố công tính số người Hiwi chết trong cuộc chiến. Ta chỉ có thể nhận định là có rất ít người sống sót sau đó.